

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

Về “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Ông Lê Quý Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2020 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm: 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn VT, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lê H - Sinh năm: 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VT, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở hiện nay: Thôn VN, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020, bản tự khai ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T và anh Lê H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/4/2009.

Quá trình chung sống, trong những năm gần đây chị T và anh H thường xuyên xảy ra cãi vã, ẩu đả nhau; nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với vợ con, thường ăn nhậu, cờ bạc gây nợ nần rồi kiếm chuyện đánh vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi mà còn đánh đập, đe dọa chị T, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, bế tắc. Chị T và anh H đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Trước đây, chị T đã khởi kiện ly hôn nhưng để

vợ chồng có cơ hội hàn gắn nên đã rút đơn. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Lê N sinh ngày 16/10/2009 và Lê K sinh ngày 05/6/2016. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khang, giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê H trình bày:

Anh Lê H và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/4/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân là do công việc làm ăn anh H có uống rượu bia nhưng chị T không hiểu nên trách mắng, có thái độ hờn với chồng, dẫn đến vợ chồng kinh cãi nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H không đồng ý.

Anh H và chị T có 02 con chung là các cháu Lê N sinh ngày 16/10/2009 và Lê K sinh ngày 05/6/2016. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh H xin được nuôi dưỡng cháu N, giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp Tòa án: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; bản trích lục giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh các con; bản photo giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu các đương sự; các bản tự khai.

Tài liệu, chứng cứ của bị đơn đã nộp Tòa án: Bản photo chứng minh nhân dân, Bản tự khai.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Lê H – cùng trú tại xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/4/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị T và anh H đều xác nhận 05 năm gần đây, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi, ẩu đả nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau; chị T đã nhiều lần

yêu cầu ly hôn nhưng rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, từ tháng 01 năm 2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, anh H về nhà cha mẹ ruột ở Thôn VN, xã N sống.

[4] Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh H không đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện để chị T và anh H có thời gian hàn gắn tình cảm với nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Lê N sinh ngày 16/10/2009 và Lê K sinh ngày 05/6/2016. Các con chung của chị T và anh H khỏe mạnh bình thường, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần. Hiện nay anh H đang nuôi cháu N, chị T đang nuôi cháu Khang. Chị T và anh H thống nhất giao chị T nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khang, giao anh H nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không ai phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T và anh H là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Tòa án chấp nhận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê H .

2. Về con chung:

- Giao chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê K, sinh ngày 05/6/2016.

- Giao anh Lê H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê N, sinh ngày 16/10/2009.

- Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0008518 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng